

決議

有關向所有國家、地區公民發放電子簽證；國際口岸允許外國人通過電子簽證出入境

政府

根據2015年6月19日政府組織法；2019年11月22日修改、補充政府組織法和地方政府組織法若干條款的法典；

根據2014年6月16日外國人在越南入境、出境、過境、居留法；2019年11月25日修改、補充《外國人在越南入境、出境、過境、居留法若干條款的法典；

根據2023年6月24日修改、補充越南公民出境入境法和外國人在越南入境、出境、過境、居留法若干條款的法典；

根據公安部部長2023年7月12日第403/TTr-BCA號文件、2023年7月31日第2557/BCA-QLXNC號文件和2023年8月8日第2767/BCA-QLXNC號文件中的提議；

以政府成員的投票為基礎。

決定：

第一條：向所有國家和地區的公民發放電子簽證。

第二條：允許外國人持電子簽證出入境的國際口岸名單，包括：

一、航空口岸清單

1. 內排機場口岸。
2. 新山一機場口岸。
3. 金蘭機場口岸。
4. 峴港機場口岸。
5. 吉碑機場口岸。
6. 芹苴機場口岸。
7. 富國機場口岸。
8. 富排機場口岸。
9. 雲屯機場口岸。
10. 壽春機場口岸。



11. 同海機場口岸。
12. 富吉機場口岸。
13. 連姜機場口岸。

二、陸地口岸清單

1. 奠邊省西莊國際口岸。
2. 廣寧省芒街國際口岸。
3. 諒山省友宜國際口岸。
4. 老街省老街國際口岸。
5. 清化省那貓國際口岸。
6. 乂安省南撼國際口岸。
7. 河靜省吊橋國際口岸。
8. 廣平省查羅國際口岸。
9. 廣治省拉萊國際口岸。
10. 廣治省勞保國際口岸。
11. 昆嵩省布依國際口岸。
12. 西寧省木排國際口岸。
13. 西寧省薩馬特國際口岸。
14. 安江省靜邊國際口岸。
15. 安江省永昌國際公路和河流口岸。
16. 堅江省河仙國際口岸。

三、海上口岸清單

1. 廣寧省鴻基港口岸。
2. 廣寧省錦普港邊境口岸。
3. 海防市海防港口岸。
4. 清化省宜山港口岸。
5. 河靜省永昂港口岸。
6. 承天順化省真雲港口岸。
7. 峴港市峴港口岸。
8. 慶和省芽莊口岸。



9. 平定省歸仁港口岸。
10. 廣義省容橘港口岸。
11. 巴地頭頓省頭頓港口岸，巴地-頭頓省。
12. 胡志明市港口岸。
13. 堅江省陽東口岸。

第三條：交政府總理指導職能機構在決議執行過程中採取確保國家主權、安全 and 社會秩序安全的必要措施。

第四條：本決議自2023年8月15日起生效，取代2020年5月25日第79/NQ-CP號決議和2022年4月27日第60/NQ-CP號決議。

第五條：部級機關、政府下屬機關的部長、首長、中央直轄省、市人委會主席負責執行本決議。

收件處：

- 黨中央秘書委會；
- 政府總理、各副總理；
- 部級部門、機關、政府下屬機關；
- 中央直轄省、市人民議會、人委會；
- 中央和黨各部門的辦公室；
- 總秘書辦公室；
- 國家主席辦公室；
- 民族議會和國會各委會；
- 國會辦公室；
- 最高人民法院；
- 最高人民檢察院；
- 國家審計；
- 國家財政監督委員會；
- 社會政策銀行；
- 越南發展銀行；
- 越南祖國陣線中央委員會；
- 各團體的中央機關；
- 政府辦公室：部長兼主任、各副主任、總理助理、副總理、電子網站總經理、各務、局、直屬單位、公報；
- 留檔：文管、國際關係（2b）。

代表政府
代總理簽字
副總理
(已簽名蓋章)

陳留光

~ 越南台灣商會聯合總會 台越投資促進委員會翻譯 謹供參考 ~



越南台灣商會聯合總會
台越投資促進委員會

孔祥平 主委 聯絡方式：

熱 線：+84 933 341 688 微 信：everwinservice LINE：everwin888

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/NQ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**VỀ VIỆC ÁP DỤNG CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ CHO CÔNG DÂN CÁC NƯỚC, VÙNG LÃNH THỔ;
CÁC CỬA KHẨU QUỐC TẾ CHO PHÉP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH
BẰNG THỊ THỰC ĐIỆN TỬ**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an tại các văn bản số 403/TTr-BCA ngày 12 tháng 7 năm 2023, số 2557/BCA-QLXNC ngày 31 tháng 7 năm 2023 và số 2767/BCA-QLXNC ngày 08 tháng 8 năm 2023;

Trên cơ sở biểu quyết của Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thực hiện cấp thị thực điện tử cho công dân tất cả các nước, vùng lãnh thổ.

Điều 2. Danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử, bao gồm:

I. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

1. Cửa khẩu Cảng hàng không Nội Bài.
2. Cửa khẩu Cảng hàng không Tân Sơn Nhất.
3. Cửa khẩu Cảng hàng không Cam Ranh.
4. Cửa khẩu Cảng hàng không Đà Nẵng.
5. Cửa khẩu Cảng hàng không Cát Bi.
6. Cửa khẩu Cảng hàng không Cần Thơ.
7. Cửa khẩu Cảng hàng không Phú Quốc.
8. Cửa khẩu Cảng hàng không Phú Bài.
9. Cửa khẩu Cảng hàng không Vân Đồn.
10. Cửa khẩu Cảng hàng không Thọ Xuân.
11. Cửa khẩu Cảng hàng không Đồng Hới.
12. Cửa khẩu Cảng hàng không Phù Cát.
13. Cửa khẩu Cảng hàng không Liên Khương.

II. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ

1. Cửa khẩu quốc tế Tây Trang, tỉnh Điện Biên.
2. Cửa khẩu quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.
3. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn.
4. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
5. Cửa khẩu quốc tế Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa.
6. Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An.
7. Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Cửa khẩu quốc tế Cha Lo, tỉnh Quảng Bình.
9. Cửa khẩu quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị.
10. Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.
11. Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum.
12. Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh.
13. Cửa khẩu quốc tế Xa Mát, tỉnh Tây Ninh.
14. Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
15. Cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Vĩnh Xương, tỉnh An Giang.
16. Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

III. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BIỂN

1. Cửa khẩu Cảng Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh.
2. Cửa khẩu Cảng Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
3. Cửa khẩu Cảng Hải Phòng, thành phố Hải Phòng.
4. Cửa khẩu Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
5. Cửa khẩu Cảng Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.
6. Cửa khẩu Cảng Chân Mây, tỉnh Thừa Thiên Huế.
7. Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng.
8. Cửa khẩu Cảng Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
9. Cửa khẩu Cảng Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
10. Cửa khẩu Cảng Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.
11. Cửa khẩu Cảng Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
12. Cửa khẩu Cảng Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Cửa khẩu Cảng Dương Đông, tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Giao Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, thay thế Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, PTTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2b)._{HM}

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Lưu Quang